

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 08- 7-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 345/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 162, khu phố Đ, đường B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Trần Anh S, sinh năm 1988.

HKTT: Xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Chỗ ở hiện nay: Cơ sở cai nghiện ma túy P, Ấp 4, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H và ông S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2021 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Anh S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 16 tháng 5 năm 2013. Việc kết hôn do bà và ông S đều tự nguyện. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông

Trần Anh S. Nguyên nhân bà H yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, ông S nghiện ma túy, không lo làm ăn. Bà và ông S đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Bà H và ông S có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2013. Nếu ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Theo Bản tự khai ghi ngày 04/6/2021, ông Trần Anh S trình bày:

Ông và bà H chung sống với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 16 tháng 5 năm 2013, việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện ông đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy P từ tháng 7/2020 đến nay. Nay ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên bà H xin ly hôn, ông S đồng ý thuận tình.

Về con chung: Ông S khai giữa ông và bà H có 01 con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2013. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao cháu Gia H cho bà H nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H; giao con chung là cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2013 cho bà H nuôi dưỡng, bà H nuôi con không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Trần Anh S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Trần Anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Anh S xây dựng gia đình với nhau năm 2013 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 16 tháng 5 năm 2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình

năm 2000. Bà H xin ly hôn, ông S đồng ý thuận tình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Bà H và ông S có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2013. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông S cũng đồng ý. Qua tham khảo ý kiến, cháu H có nguyện vọng sống với bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà H nuôi con không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Anh S.

Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Anh S.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2013 cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Tạm thời ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Ông S được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005223 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà H và ông S được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã H (GCNKH số 21/2013) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo

